

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/DS-ST

Ngày 07 - 4 - 2026

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-DS ngày 27/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2026/QĐST-DS ngày 17/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/08/1983. CCCD số: 024083014301, ngày cấp 23/9/2022. Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh ngày 10/9/1989. CCCD số: 024089008507. Nơi cư trú: Thôn M, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:* Ngày 20/3/2021, anh có ký Hợp đồng đặt cọc Dãy Liền kề LK20 Khu dân cư mới xã Tam Dị với vợ chồng Phạm Xuân T1, Trần Thị T2 (địa chỉ cũ trước sát nhập: số 01 ngách 01, ngõ 36, đường C, tổ dân phố Đ, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang). Anh chuyển tiền kênh đến tài khoản ngân hàng số 19034437344011 của Dương Văn T số tiền 1.088.000.000 đồng tiền kênh. Sau khi nhận tiền kênh, Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng). Nhưng vợ chồng T1, T2 không có khả năng thực hiện hợp đồng, đã bị tuyên án vì tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Số tiền đặt cọc anh và những bị hại khác chuyển cho Trần Thị T2 và số tiền kênh Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2

tổng cộng là 10.040.000.000 đồng (mười tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng) đã được tuyên trong phần dân sự của Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 09/05/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang thuộc phần trách nhiệm dân sự của vợ chồng T1, T2. Sau đó, anh T và những người môi giới khác đã trả cho anh nhiều lần tổng là 918.000.000 đồng. Còn lại 170.000.000 đồng thì anh đã liên lạc nhiều lần và yêu cầu anh T trả lại tiền thì anh T không trả. Đến thời điểm hiện tại, anh T còn phải trả lại anh số tiền là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn). Do vậy, anh khởi kiện đề nghị Toà án buộc anh Dương Văn T có trách nhiệm trả anh số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Tại lời khai ngày 26/01/2026 anh H xác định, nguồn tiền anh chuyển cho anh T là tiền của cá nhân anh huy động của người khác trong làm ăn mà có, không phải là tiền của gia đình anh. Việc anh làm ăn với anh T vợ, con anh hoàn toàn không biết. Đề nghị Toà án không đưa vợ con anh vào tham gia tố tụng, vì họ không có liên quan gì đến khoản tiền này. Anh đề nghị Toà án buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm trả anh số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền gốc, không yêu cầu tiền lãi suất phát sinh.

* *Bị đơn anh Dương Văn T*, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao, niêm yết các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không phối kết hợp để làm việc.

Tại phiên toà hôm nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và chỉ yêu cầu anh T trả tiền gốc là 170.000.000đ, không yêu cầu lãi suất. Anh T vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Dương Văn T vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ các Điều 105, 158, 166, Điều 280, Điều 579, Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H về việc buộc anh Dương Văn T phải trả số tiền gốc 170.000.000 đồng;
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh H về việc buộc anh T phải trả số tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Về án phí: Anh Dương Văn T phải chịu 8.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh H số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp. Ngoài ra còn đề nghị tuyên lãi suất chậm thanh toán, việc thi hành án và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, khởi kiện đòi tiền kênh sau khi đặt cọc mua đất đổi với anh Dương Văn T. Nơi cư trú: Thôn M, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh. Nội dung: Ngày 20/3/2021, anh H có ký Hợp đồng đặt cọc Dây Liền kề LK20 Khu dân cư mới xã Tam Dị với vợ chồng Phạm Xuân T1, Trần Thị T2 (địa chỉ cũ trước sát nhập: số 01 ngách 01, ngõ 36, đường C, tổ dân phố Đ, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang). Anh H chuyển tiền kênh đến tài khoản ngân hàng số 19034437344011 của Dương Văn T số tiền 1.088.000.000 đồng tiền kênh. Sau khi nhận tiền kênh, Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng). Nhưng vợ chồng T1, T2 không có khả năng thực hiện hợp đồng, đã bị tuyên án vì tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Số tiền đặt cọc anh H và những bị hại khác chuyển cho Trần Thị T2 và số tiền kênh Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2 tổng cộng là 10.040.000.000 đồng (mười tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng) đã được tuyên trong phần dân sự của Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 09/05/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thuộc phần trách nhiệm dân sự của vợ chồng T1, T2. Sau đó, anh T và những người môi giới khác đã trả cho anh H nhiều lần tổng là 918.000.000 đồng. Còn lại 170.000.000 đồng thì anh H đã liên lạc nhiều lần và yêu cầu anh T trả lại tiền thì anh T không trả. Đến thời điểm hiện tại, anh T còn phải trả lại anh H số tiền là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn). Do vậy, anh H đề nghị Tòa án buộc anh Dương Văn T trả cho anh số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi suất. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp kiện đòi tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc, không yêu cầu lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Dương Văn T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu đòi tiền gốc:

[2.1] Xuất phát từ quan hệ làm ăn kinh tế, ngày 20/3/2021, anh H có ký Hợp đồng đặt cọc Dây Liền kề LK20 Khu dân cư mới xã Tam Dị với vợ chồng Phạm Xuân T1, Trần Thị T2 (địa chỉ cũ trước sát nhập: số 01 ngách 01, ngõ 36, đường C, tổ dân phố

Đ, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang). Anh H chuyển tiền kênh đến tài khoản ngân hàng số 19034437344011 của Dương Văn T số tiền 1.088.000.000 đồng tiền kênh. Sau khi nhận tiền kênh, Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng). Nhưng vợ chồng T1, T2 không có khả năng thực hiện hợp đồng. Tại Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 09/05/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, đã xử phạt Phạm Xuân T1 16 (mười sáu) năm tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 1 (một) năm 10 (mười) tháng tù mà Phạm Xuân T1 phải chấp hành theo Bản án hình sự số: 159/2023/HS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”, buộc Phạm Xuân T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 17 (mười bảy) năm 10 (mười) tháng tù. Xử phạt Trần Thị T2 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 2 (hai) năm tù mà Trần Thị T2 phải chấp hành theo Bản án hình sự số: 159/2023/HS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”, buộc Trần Thị T2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 16 (mười sáu) năm tù. Số tiền đặt cọc anh H và những bị hại khác chuyển cho Trần Thị T2 và số tiền kênh Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2 tổng cộng là 10.040.000.000 đồng (mười tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng) đã được tuyên trong phần dân sự của Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 09/05/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thuộc phần trách nhiệm dân sự của vợ chồng T1, T2. Phần trách nhiệm dân sự của anh Dương Văn T trong việc trả lại số tiền kênh (748.000.000đ) còn lại anh H đã chuyển khoản cho anh T thì chưa được giải quyết trong vụ án này, hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Anh H trình bày: Sau đó, anh Dương Văn T và những người môi giới khác đã trả lại cho anh H tổng số tiền đã trả các loại là 918.000.000 đồng, còn lại 170.000.000đ anh T chưa trả. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, từ đó đến nay, anh H liên lạc nhiều lần và yêu cầu anh T trả lại tiền thì anh T hứa hẹn và khát nhưng không trả. Nay anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm trả cho anh H số tiền gốc 170.000.000 đồng là có căn cứ. Do vậy cần buộc anh T phải có trách nhiệm trả anh H số tiền gốc còn lại nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao, niêm yết các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không phối kết hợp để làm việc, tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số: 49/QĐ-CCTLCC ngày 02/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh đã yêu cầu anh T phải cung cấp các tài liệu chứng cứ như: “*Trình bày diễn biến sự việc anh H chuyển tiền kênh cho anh T là bao nhiêu, anh T đã xử lý số tiền anh H chuyển khoản cho này như thế nào? Đã trả lại cho anh H được bao nhiêu? Giao nộp các hoá đơn, chứng từ, tài liệu chứng cứ chứng minh kèm theo. Yêu cầu phản tố (nếu có)*”, nhưng đến nay anh T vẫn không cung cấp, anh T phải chịu hậu quả về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ theo pháp luật.

[3] Về yêu cầu đòi tiền lãi suất: Ban đầu anh H khởi kiện yêu cầu anh T phải thanh toán cả tiền gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Sau đó anh H đã thay đổi yêu cầu. Tại lời khai ngày 26/01/2026 anh H chỉ yêu cầu anh T phải có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ nợ gốc, không yêu cầu lãi suất. Tại phiên toà hôm nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và chỉ yêu cầu anh T trả tiền gốc là 170.000.000đ, không yêu cầu lãi suất. Như vậy xác định được anh H tự xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc buộc anh T phải trả cho anh H số tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Nên cần đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của anh H về việc buộc anh T phải trả số tiền lãi xuất phát sinh theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Văn H 170.000.000đ tiền gốc (một trăm bảy mươi triệu đồng). Xét là phù hợp Điều 105, 166, 357, 579 Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên anh Dương Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Hoàn trả anh Nguyễn Văn H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 105, 166, 357, 579 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Văn H 170.000.000đ tiền gốc (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, về việc buộc anh Dương Văn T phải trả anh Nguyễn Văn H số tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Anh Dương Văn T phải chịu 8.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn H 4.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000858 ngày 26/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt, hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi